

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6109  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH  
(Môn thi: KHTN (Hóa học chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100008	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	06/05/2011	THCS Vũ Thư	0	0
2	61100020	ĐÀM TUẤN ANH	Nam	23/06/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
3	61100031	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	23/06/2011	TH-THCS Vũ Vinh	0	0
4	61100033	MAI PHƯƠNG ANH	Nữ	24/03/2011	THCS 14-10	0	0
5	61100036	NGUYỄN ĐẶNG QUỐC ANH	Nam	24/07/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
6	61100046	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	27/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
7	61100055	PHẠM HỮU DUY ANH	Nam	01/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
8	61100058	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	19/07/2011	THCS Vũ Thư	0	0
9	61100066	QUÁCH NGUYỄN ANH	Nam	21/10/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	1
10	61100072	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	15/01/2011	THCS 14-10	0	0
11	61100082	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/10/2011	TRƯỜNG THCS NAM TRUNG	0	0
12	61100092	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	16/10/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
13	61100104	BÙI KHÁNH CHI	Nữ	25/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
14	61100123	PHẠM VIỆT CƯỜNG	Nam	31/01/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
15	61100127	NGUYỄN MAI PHƯƠNG DIỆP	Nữ	28/12/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
16	61100137	MAI NHẬT DUY	Nam	21/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61100148	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	01/10/2011	Trường THCS Tân Phong	0	0
18	61100150	BÙI TRUNG MINH ĐỨC	Nam	20/02/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0
19	61100155	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	23/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
20	61100159	VŨ MINH ĐỨC	Nam	30/11/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
21	61100170	TÔNG HOÀNG GIANG	Nam	29/12/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
22	61100172	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	15/08/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
23	61100174	CHU KHÁNH HÀ	Nữ	01/07/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0,5
24	61100182	NGUYỄN HOÀNG HÀ	Nữ	06/02/2011	THCS Quỳnh Hội	0	0,5

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hung Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6110  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH  
(Môn thi: KHTN (Hóa học chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100190	TRẦN DUY HÀ	Nam	01/01/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61100196	BÙI MINH HẢI	Nam	30/07/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
3	61100200	NGUYỄN MINH HẢI	Nam	11/05/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
4	61100205	VŨ PHẠM HẢI HẬU	Nam	19/02/2011	THCS 14-10	0	0
5	61100208	LÊ THANH HIỀN	Nữ	07/12/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
6	61100217	NGUYỄN QUANG HIẾU	Nam	11/05/2011	Trường THCS Trần Lãm	0	0
7	61100218	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
8	61100222	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	23/12/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
9	61100233	VŨ GIA HUY	Nam	06/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61100241	LÊ PHAN TẤN HÙNG	Nam	08/09/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
11	61100242	LÊ VIỆT BẢO HÙNG	Nam	20/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100256	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	22/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
13	61100261	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nữ	11/06/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	1,5
14	61100262	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	Nam	07/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61100267	VŨ ANH KHOA	Nam	24/06/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
16	61100273	TRẦN TRUNG KIẾN	Nam	30/08/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
17	61100302	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	23/12/2011	THCS Tây Sơn	0	0
18	61100304	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	04/11/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
19	61100308	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	03/12/2011	TH và THCS Hồng Lý	0	0
20	61100312	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	31/05/2011	THCS Vũ Thư	0	0
21	61100314	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	06/03/2011	Trường THCS Tiên Phong	0	0
22	61100318	VŨ THỊ THỦY LINH	Nữ	16/11/2011	THCS 14-10	0	0
23	61100319	ĐẶNG NGỌC BẢO LONG	Nam	23/08/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
24	61100321	PHẠM HOÀNG LONG	Nam	08/05/2011	THCS 14-10	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6111  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

(Môn thi: KHTN (Hóa học chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100341	HOÀNG ĐỨC MINH	Nam	05/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
2	61100347	NGUYỄN BÙI NGUYỆT MINH	Nữ	18/04/2011	THCS Nguyễn Đức Cảnh	0	0
3	61100349	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT MINH	Nam	08/02/2011	THCS Tây Sơn	0	0
4	61100356	NGUYỄN TRƯỜNG MINH	Nam	01/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	1,5	1,5
5	61100360	PHẠM THIÊN MINH	Nam	23/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
6	61100361	TÔ QUANG MINH	Nam	23/05/2011	THCS 14-10	0	0
7	61100368	TRẦN VŨ BÌNH MINH	Nam	10/03/2011	THCS Tây Sơn	0	0
8	61100374	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	Nữ	23/11/2011	Trường TH và THCS Tam Quang	0	0
9	61100376	NGUYỄN TRỊNH HÀ MY	Nữ	18/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
10	61100380	ĐỖ VĂN NAM	Nam	23/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
11	61100381	HOÀNG HẢI NAM	Nam	10/10/2011	Trường THCS Phú Xuân	0	0
12	61100384	PHẠM BẢO NAM	Nam	05/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61100386	TRƯƠNG HOÀNG NAM	Nam	30/01/2011	THCS 14-10	0	0
14	61100396	HÀ TUẤN NGHĨA	Nam	06/09/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
15	61100414	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	Nam	09/04/2011	Trường THCS Đông Hòa	0	0
16	61100419	NGUYỄN HOÀNG MINH NHÂN	Nam	08/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
17	61100421	NGUYỄN THIÊN NHÂN	Nam	16/08/2011	THCS Vũ Thư	0	0
18	61100422	TRẦN THIÊN NHÂN	Nam	11/10/2011	TH-THCS Vũ Vinh	0	0
19	61100430	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	30/07/2011	Trường THCS Phạm Huy Quang	0	0
20	61100432	PHẠM BÙI GIA NHI	Nữ	08/07/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
21	61100444	PHẠM HỒNG PHÁT	Nam	16/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
22	61100448	NGÔ NAM PHONG	Nam	06/08/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
23	61100455	HOÀNG ĐÌNH PHÚC	Nam	21/10/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
24	61100457	HOÀNG HỮU PHÚC	Nam	30/08/2011	Trường THCS Vũ Phúc	0	0

Danh sách gồm: 24 thí sinh.

Hung Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT  
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI SỐ: 6112  
HỘI ĐỒNG COI THI: THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

(Môn thi: KHTN (Hóa học chuyên))

Số TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích
1	61100458	LƯƠNG NGUYỄN PHÚC	Nam	29/03/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	1
2	61100484	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	30/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
3	61100485	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	23/07/2011	Trường THCS Kỳ Bá	0	0
4	61100493	ĐINH THÁI SƠN	Nam	16/03/2011	TH-THCS Xuân Hòa	0	0
5	61100497	VŨ THANH TÂM	Nữ	01/10/2011	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Quý	0	0
6	61100499	ĐẶNG DUY TÂN	Nam	24/06/2011	TH và THCS Song An	0	1
7	61100506	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	05/10/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
8	61100516	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	31/05/2011	THCS Vũ Thư	0	0
9	61100517	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/10/2011	THCS Tây Sơn	0	0
10	61100534	TRẦN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	03/09/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	0	0
11	61100553	BÙI THÙY TRANG	Nữ	24/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
12	61100568	PHẠM MINH TRÍ	Nam	10/02/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	0	0
13	61100576	CAO THỊ THANH TRÚC	Nữ	24/09/2011	Trường THCS Phạm Đôn Lễ	0	0
14	61100577	ĐỖ THANH TRÚC	Nữ	19/12/2011	Tiểu học, THCS và THPT Marie Curie Thái Bình	0	0
15	61100585	ĐÀO TRỌNG TÚ	Nam	23/04/2011	Trường TH và THCS Hiệp Hòa	0	0
16	61100588	NGUYỄN THỊ MINH TÚ	Nữ	10/04/2011	Trường THCS Lê Danh Phương	0	0
17	61100593	VŨ VĂN TUỆ	Nam	19/04/2011	Trường THCS Trần Phú	0	0
18	61100603	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	Nữ	28/01/2011	Trường THCS Minh Lãng	0	0
19	61100604	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	Nữ	01/04/2011	Trường THCS Minh Thành	0	0
20	61100608	TRỊNH HÀ VÂN	Nữ	20/03/2011	Trường THCS Nam Thắng	0	0
21	61100617	NGUYỄN AN VŨ	Nam	19/10/2011	Trường THCS Vũ Hội	0	0

Danh sách gồm: 21 thí sinh.

Hung Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**

